

Số: 717 /KH-UBND

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 10 năm 2026

**KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030**

Thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Quyết định số 1131/QĐ-BYT ngày 22/4/2026 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Y tế giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030 và các văn bản có liên quan, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Y tế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

I. QUAN ĐIỂM TRIỂN KHAI

- Triển khai đồng bộ với chuyển đổi số của tỉnh, bám sát định hướng của Trung ương, Bộ Y tế, Khung kiến trúc số Bộ Y tế và Khung kiến trúc số của tỉnh; kế thừa các hệ thống đã đầu tư, ưu tiên sử dụng hạ tầng, nền tảng và dữ liệu dùng chung, không đầu tư phân tán, trùng lặp.
- Dữ liệu y tế là tài nguyên cốt lõi, bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; ưu tiên hoàn thiện dữ liệu, nền tảng trước khi phát triển các ứng dụng phân tích, dự báo, trí tuệ nhân tạo và y tế thông minh.
- Lấy người dân, người bệnh và cán bộ y tế làm trung tâm; lấy chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân, hiệu quả hoạt động của cơ sở y tế và hiệu lực quản lý nhà nước làm thước đo; người đứng đầu chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị.
- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và dữ liệu sức khỏe là yêu cầu xuyên suốt; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện ngành Y tế tỉnh Hà Tĩnh theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 72-NQ/TW và định hướng của Trung ương, Bộ Y tế, của tỉnh; xây dựng hệ thống y tế số liên thông từ tỉnh đến cơ sở, lấy dữ liệu làm nền tảng, đổi mới phương thức quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu; nâng cao chất lượng phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân.

2. Mục tiêu hướng đến

Đến năm 2030, chuyển đổi số ngành Y tế hướng đến 04 mục tiêu, mỗi mục tiêu gắn với sản phẩm tại mục 3, chỉ tiêu tại mục 4, nhiệm vụ tại Phụ lục 02 và trách nhiệm tại Mục V:

- Lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo ngành Y tế chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu, theo dõi được các chỉ số về khám sức khỏe định kỳ, tiêm chủng, dịch bệnh, khám bệnh, chữa bệnh đến từng xã, phường và từng cơ sở y tế trên IOC tỉnh; hình thành nguồn dữ liệu y tế tập trung, thống nhất, phục vụ hoạch định chính sách, phân bổ nhân lực, thuốc, trang thiết bị y tế theo nhu cầu thực tế, giảm phụ thuộc vào báo cáo thủ công (sản phẩm 1, 2; chỉ tiêu mục 4.1, 4.2; nhiệm vụ 3, 8, 9, 10, 11; chủ trì: Sở Y tế).

- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoạt động trên môi trường số, không sử dụng bệnh án giấy; đơn thuốc, giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám lại được thực hiện điện tử; giảm nhập liệu, báo cáo trùng lặp, dữ liệu được sử dụng thống nhất và chia sẻ với các hệ thống của tỉnh, Bộ Y tế, cơ quan Bảo hiểm xã hội (sản phẩm 3; chỉ tiêu mục 4.2; nhiệm vụ 12, 13, 17; chủ trì: Sở Y tế, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh).

- Trạm y tế xã, phường và y tế dự phòng quản lý sức khỏe, tiêm chủng, giám sát dịch bệnh trên nền tảng số, phục vụ phân tích, dự báo và phát hiện sớm nguy cơ dịch bệnh tại cộng đồng (sản phẩm 1; chỉ tiêu mục 4.2; nhiệm vụ 4, 5, 13, 19; chủ trì: UBND các xã, phường, Sở Y tế).

- Người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID và sử dụng thực tế các dịch vụ y tế số: đăng ký khám bệnh, thanh toán không dùng tiền mặt, tra cứu, theo dõi thông tin sức khỏe trên thiết bị di động; giảm xuất trình giấy tờ, kết quả khám bệnh bằng bản giấy (sản phẩm 4; chỉ tiêu mục 4.1, 4.2; nhiệm vụ 13, 14, 15, 16, 19; chủ trì: Sở Y tế).

Các chỉ tiêu tại mục 4.3, 4.4 và nhiệm vụ 1, 2, 6, 7, 18, 20 là điều kiện bảo đảm chung.

3. Sản phẩm, kết quả trọng tâm

Các nhiệm vụ tại Phụ lục 02 (kèm theo Kế hoạch) được tổ chức thực hiện nhằm hình thành 04 sản phẩm, kết quả trọng tâm sau:

- **Sản phẩm 1 - Cơ sở dữ liệu ngành Y tế tỉnh Hà Tĩnh, kết nối từ trạm y tế xã, phường đến tuyến tỉnh** (nhiệm vụ 4, 5, 8, 9, 10): Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu ngành Y tế được triển khai theo hình thức thuê dịch vụ, hoàn thành thủ tục chủ trương đầu tư trong năm 2026, đưa vào vận hành giai đoạn 1 năm 2027, vận hành đầy đủ năm 2028; 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế được làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu theo Kế hoạch số 553/KH-UBND ngày 10/8/2026 của UBND tỉnh, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác được triển khai theo hướng dẫn của Bộ Y tế; 13 cơ sở dữ liệu ngành y tế được kết nối, chia sẻ với Kho dữ liệu dùng chung, IOC tỉnh theo Kế hoạch số 591/KH-UBND ngày 25/8/2026 của UBND tỉnh, lộ trình như sau: ngày 08/10/2026, kết nối, chia sẻ 02 cơ sở dữ liệu: Hồ sơ sức khỏe điện tử người dân trên địa bàn tỉnh; Hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện; ngày 31/12/2026: kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu về thống kê y tế; ngày 31/3/2027: kết nối, chia sẻ 03 cơ sở dữ liệu: nhân lực y tế; quản lý trẻ em; Hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia; ngày 30/6/2027: kết nối, chia sẻ 02 cơ sở dữ liệu: Hệ thống quản lý, cấp phép hành nghề khám bệnh; Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội; ngày 31/12/2027: kết nối, chia

sẽ 05 cơ sở dữ liệu: báo cáo truyền nhiễm; báo cáo bệnh không lây nhiễm; báo cáo sức khỏe sinh sản; quản lý thuốc, kê đơn thuốc điện tử; được quốc gia. 100% trạm y tế xã, phường được bảo đảm hạ tầng thiết yếu và sử dụng nền tảng số trong quản lý hồ sơ sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh, tiêm chủng, y tế dự phòng, là nguồn dữ liệu gốc cập nhật về Cơ sở dữ liệu ngành Y tế (giai đoạn 2026 - 2027); triển khai các giải pháp số quản lý, theo dõi sức khỏe chủ động tại cộng đồng (giai đoạn 2028 - 2030).

- **Sản phẩm 2 - Bộ chỉ số y tế trên Dashboard IOC tỉnh** (nhiệm vụ 3, 11): năm 2026 xác định bộ chỉ số riêng của ngành y tế, nguồn dữ liệu, phân cấp theo chỉ số Lớp 1, Lớp 2, Lớp 3; năm 2027 - 2028 triển khai các chỉ số Lớp 2, cập nhật tự động theo xã, phường, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và tổng hợp tự động từ dữ liệu gốc (Lớp 3); năm 2029 - 2030 mở rộng phân tích, dự báo, cảnh báo sớm.

- **Sản phẩm 3 - Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện hồ sơ bệnh án điện tử, không sử dụng bệnh án giấy** (nhiệm vụ 12, 13, 17): các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoàn thành triển khai hồ sơ bệnh án điện tử trước ngày 31/12/2026; các bệnh viện, trung tâm y tế không sử dụng bệnh án giấy từ ngày 01/01/2027; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp tục duy trì, khai thác hiệu quả hồ sơ bệnh án điện tử, phấn đấu 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không sử dụng bệnh án giấy vào năm 2030; triển khai hiệu quả đơn thuốc điện tử, giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám lại điện tử; thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phát triển mô hình bệnh viện thông minh giai đoạn 2028 - 2030.

- **Sản phẩm 4 - Dịch vụ y tế số cho người dân** (nhiệm vụ 13, 14, 15, 16, 19): trên 95% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử bảo đảm chất lượng; triển khai đăng ký khám trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, tư vấn, hội chẩn từ xa; tích hợp, cung cấp các dịch vụ y tế số trên ứng dụng công dân số i-HaTinh, tạo thuận lợi cho người dân trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế.

4. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

4.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành

a) Giai đoạn 2026 - 2027:

- Phấn đấu đạt 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp, thực hiện theo hình thức trực tuyến toàn trình theo quy định.

- Phấn đấu đạt 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi thực hiện được số hóa, lưu trữ và khai thác theo quy định.

- Phấn đấu đạt 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý được cung cấp một lần, được chia sẻ, tái sử dụng theo quy định, hạn chế yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại thông tin đã có.

- 100% cơ quan, đơn vị thuộc ngành Y tế sử dụng các nền tảng số dùng chung của tỉnh và các hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành theo quy định; tăng cường xử lý công việc trên môi trường số.

- Phấn đấu từ 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

b) Giai đoạn 2028 - 2030:

- Phần đầu đạt 99% trở lên người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- Phần đầu đạt 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.
- 100% cơ quan, đơn vị thuộc ngành Y tế thực hiện quản lý, điều hành trên môi trường số; tăng cường sử dụng dữ liệu trong theo dõi, đánh giá, dự báo và hỗ trợ ra quyết định.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng sử dụng trợ lý số, công cụ trí tuệ nhân tạo và công cụ số thông minh an toàn để hỗ trợ thực thi công vụ, phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu bảo vệ dữ liệu.
- Phần đầu 100% cơ quan, đơn vị sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

4.2. Phát triển dữ liệu số và y tế số

a) Giai đoạn 2026 - 2027:

- 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh, bảo hiểm y tế và các dữ liệu y tế có liên quan theo quy định; sử dụng số định danh cá nhân làm khóa định danh.
- 100% dữ liệu khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc được cập nhật, chuẩn hóa, ký số và kết nối, chia sẻ theo quy định.
- 100% cơ sở kinh doanh dược thực hiện kết nối, liên thông dữ liệu với Hệ thống cơ sở dữ liệu về dược theo quy định của Bộ Y tế.
- 100% bệnh viện, trung tâm y tế duy trì, hoàn thiện và khai thác hiệu quả hồ sơ bệnh án điện tử; thực hiện không sử dụng bệnh án giấy từ ngày 01/01/2027 theo lộ trình.
- Phần đầu 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh còn lại (các trạm y tế, phòng khám ngoài công lập) hoàn thành triển khai hồ sơ bệnh án điện tử trước ngày 31/12/2026 theo quy định.
- 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt; từng bước nâng cao tỷ lệ giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt trong các dịch vụ y tế.
- Trên 95% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử; dữ liệu được cập nhật, khai thác theo quy định.
- 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế được làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu theo Kế hoạch số 553/KH-UBND ngày 10/8/2026 của UBND tỉnh; 13 cơ sở dữ liệu y tế được kết nối, chia sẻ với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh theo lộ trình tại Kế hoạch số 591/KH-UBND ngày 25/8/2026 của UBND tỉnh (hoàn thành trước 31/12/2027).
- 100% trạm y tế xã, phường triển khai và sử dụng hiệu quả các nền tảng số phục vụ quản lý chuyên môn, hồ sơ sức khỏe điện tử, khám bệnh, chữa bệnh, tiêm

chủng, y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu theo quy định của Bộ Y tế; thực hiện kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống có liên quan.

b) Giai đoạn: 2028 - 2030

- 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh duy trì và khai thác hiệu quả hồ sơ bệnh án điện tử, không sử dụng bệnh án giấy theo lộ trình; triển khai đơn thuốc điện tử và các giấy tờ điện tử thuộc phạm vi quy định.

- Duy trì trên 95% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử; tập trung nâng cao chất lượng dữ liệu, bảo đảm hồ sơ được cập nhật, chuẩn hóa, liên thông và khai thác phục vụ chăm sóc sức khỏe theo quy định.

- Duy trì 100% cơ sở y tế có giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt; hằng năm tăng tỷ lệ giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt, lấy mức sử dụng thực tế làm tiêu chí đánh giá.

- Hằng năm đánh giá mức độ sử dụng thực tế dịch vụ y tế số (đăng ký khám trực tuyến, nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến, tư vấn, khám bệnh, chữa bệnh từ xa); năm 2026 xác lập số liệu gốc, các năm tiếp theo tăng dần.

- 100% giấy chuyên tuyến, giấy hẹn khám lại và các giấy tờ thuộc phạm vi quy định được thực hiện trên nền tảng số.

- 100% cơ sở khám chữa bệnh có giường bệnh đăng ký khám trực tuyến.

- Tối thiểu 80% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có ứng dụng tư vấn, hội chẩn từ xa phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế.

- Phân đầu 100% trạm y tế xã, phường triển khai các giải pháp số phù hợp phục vụ quản lý, theo dõi và chăm sóc sức khỏe chủ động của người dân tại cộng đồng; từng bước triển khai mô hình bác sĩ gia đình và ứng dụng thiết bị, giải pháp y tế số trong theo dõi sức khỏe tại nhà theo quy định và điều kiện thực tế.

- 100% cán bộ y tế sử dụng định danh điện tử phục vụ hoạt động chuyên môn theo quy định.

- 100% cơ sở dữ liệu ngành Y tế thuộc phạm vi quản lý được định kỳ rà soát, cập nhật, chuẩn hóa, đánh giá chất lượng và xử lý dữ liệu trùng lặp, thiếu hoặc không thống nhất; áp dụng tiêu chí đánh giá chất lượng phù hợp.

4.3. Phát triển hạ tầng số, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

a) Giai đoạn 2026 - 2027

- 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý được rà soát, phân loại, xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn theo quy định.

- Tối thiểu 70% cơ quan, đơn vị y tế sử dụng giao thức IPv6.

b) Giai đoạn 2028 - 2030

- Phân đầu 100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số thuộc phạm vi quản lý được xác định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ các biện pháp bảo vệ theo quy định.

- Tối thiểu 90% cơ quan, đơn vị y tế sử dụng giao thức IPv6.

4.4. Phát triển nhân lực số

a) Giai đoạn 2026 - 2027

- 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành Y tế được phổ cập, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản, kỹ năng sử dụng các nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin trong thực hiện nhiệm vụ.

- Phân đầu 100% cơ quan, đơn vị y tế xác định đầu mối phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với quy mô, vị trí việc làm và điều kiện thực tế.

b) Giai đoạn 2028 - 2030

- Phân đầu 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành Y tế được thường xuyên cập nhật, bồi dưỡng kỹ năng số phù hợp với vị trí việc làm.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi áp dụng được cập nhật kiến thức về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm.

Các chỉ tiêu nêu trên sẽ được Sở cụ thể hóa trong kế hoạch hằng năm. Sở Y tế chủ trì xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc hướng dẫn áp dụng bộ chỉ số theo dõi, trong đó xác định rõ phạm vi, mẫu số, phương pháp tính, nguồn dữ liệu và tần suất cập nhật đối với từng chỉ tiêu; ưu tiên sử dụng dữ liệu tự động từ các hệ thống thông tin, hạn chế báo cáo thủ công.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, tăng cường chỉ đạo, điều hành

- Rà soát, hoàn thiện quy chế, quy trình quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu số ngành Y tế, bảo đảm phù hợp quy định của Trung ương, Bộ Y tế và của tỉnh.

- Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, người đứng đầu và đầu mối thực hiện chuyển đổi số; hằng năm xác định nhiệm vụ trọng tâm, sản phẩm, tiến độ và nguồn lực thực hiện.

- Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, tăng cường xử lý công việc trên môi trường số, khai thác và tái sử dụng dữ liệu, hạn chế hồ sơ, báo cáo thủ công, trùng lặp.

- Rà soát, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; ưu tiên đầu tư, thuê dịch vụ, sử dụng nền tảng dùng chung, bảo đảm đồng bộ, tránh trùng lặp, phân tán.

2. Phát triển hạ tầng số, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu

- Rà soát hiện trạng và nhu cầu hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị đầu cuối, mạng nội bộ, đường truyền, chữ ký số, hệ thống lưu trữ, sao lưu và các thiết bị tại cơ sở y tế, trạm y tế xã, phường; xác định thứ tự ưu tiên đầu tư, nâng cấp hoặc thuê dịch vụ phù hợp với phân cấp và khả năng cân đối nguồn lực.

- Ưu tiên sử dụng hạ tầng dùng chung, nền tảng dùng chung và dịch vụ điện toán đám mây phù hợp; từng bước triển khai, mở rộng sử dụng IPv6 và các công nghệ hạ tầng số theo lộ trình, định hướng của tỉnh và Trung ương.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về xác định, phê duyệt cấp độ và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin; tăng cường giám sát, phòng chống mã độc, kiểm tra, khắc phục lỗ hổng và ứng cứu sự cố.

- Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu cá nhân, dữ liệu sức khỏe; duy trì sao lưu, dự phòng, phục hồi và phối hợp giám sát, ứng cứu sự cố theo quy định.

3. Phát triển, kết nối và khai thác dữ liệu số y tế

- Tập trung chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các xã, phường xây dựng, hoàn thiện 12 cơ sở dữ liệu ngành Y tế theo Kế hoạch số 553/KH-UBND ngày 10/8/2026 của UBND tỉnh; ưu tiên xử lý các nhóm dữ liệu có tỷ lệ hoàn thành, xác thực, làm sạch còn thấp; xác định rõ trách nhiệm, tiến độ cập nhật và cơ chế kiểm soát chất lượng dữ liệu, bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, thống nhất, đồng bộ, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Từng bước hình thành hệ thống phân tích dữ liệu, dự báo và hỗ trợ ra quyết định phục vụ công tác quản lý, điều hành ngành Y tế; mở rộng kết nối, tích hợp dữ liệu ngành Y tế với Kho dữ liệu dùng chung, IOC tỉnh và các hệ thống thông tin có liên quan.

- Rà soát, hoàn thiện danh mục dữ liệu, bộ dữ liệu, tiêu chuẩn và tiêu chí chất lượng dữ liệu ngành Y tế; chuẩn hóa dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng, dân số, dược, thiết bị y tế, an toàn thực phẩm, bảo hiểm y tế, nhân lực y tế và các dữ liệu chuyên ngành khác thuộc phạm vi quản lý. Thực hiện làm sạch, làm giàu, đối soát, xử lý dữ liệu trùng lặp, thiếu hoặc không thống nhất; duy trì cập nhật và kiểm soát chất lượng dữ liệu thường xuyên, gắn với các kế hoạch, chiến dịch chuyên ngành của Trung ương và của tỉnh.

- Xây dựng, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu ngành Y tế tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở kế thừa, tích hợp dữ liệu từ các hệ thống, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hiện có; từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu của 13 cơ sở dữ liệu ngành y tế với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh theo lộ trình tại Phụ lục 02 Kế hoạch số 591/KH-UBND ngày 25/8/2026 của UBND tỉnh; bảo đảm khả năng tích hợp, đồng bộ, khai thác và tái sử dụng dữ liệu. Việc kết nối các cơ sở dữ liệu theo Kế hoạch số 591/KH-UBND ngày 25/8/2026 của UBND tỉnh được thực hiện qua các hệ thống hiện có, không phụ thuộc tiến độ triển khai Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu ngành Y tế (nhiệm vụ 9); Hệ thống này sau khi đưa vào vận hành có nhiệm vụ tập trung, chuẩn hóa dữ liệu và cung cấp dữ liệu gốc phục vụ các chỉ số Lớp 3.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, xác định phương thức, yêu cầu kỹ thuật, danh mục dữ liệu và đầu mối thực hiện kết nối, chia sẻ; tổ chức kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành Y tế với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các nền tảng, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Y tế quản lý, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu bảo hiểm xã hội và các hệ thống liên quan theo quy định. Thiết lập cơ chế phối hợp kiểm tra, đối soát, xử lý dữ liệu sai lệch, bảo đảm khả năng truy vết và xác định trách nhiệm trong quá trình khai thác, chia sẻ dữ liệu.

- Từng bước phát triển các công cụ tổng hợp, phân tích, trực quan hóa dữ liệu, dashboard và báo cáo điện tử trên cơ sở khai thác dữ liệu từ các hệ thống hiện có; ưu tiên các nhóm dữ liệu phục vụ giám sát tình hình khám bệnh, chữa bệnh, y tế cơ sở, phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng, nhân lực, dược, thiết bị y

tế, an toàn thực phẩm và các chỉ tiêu quản lý ngành; phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, dự báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.

- Hoàn thiện bộ chỉ số y tế trên Dashboard IOC tỉnh đảm bảo yêu cầu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, khả năng cung cấp, cập nhật và kết nối dữ liệu; ưu tiên các chỉ số về khám sức khỏe định kỳ, tiêm chủng, dịch bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, hồ sơ sức khỏe điện tử và bệnh án điện tử. Việc xây dựng, phát triển các chỉ số theo từng lớp được thực hiện phù hợp với mức độ sẵn sàng của dữ liệu, khả năng phân tích theo địa bàn, cơ sở y tế và điều kiện kết nối, tổng hợp tự động từ dữ liệu gốc; bảo đảm tính chính xác, kịp thời, hiệu quả, tránh nhập liệu, báo cáo trùng lặp. Sở Y tế chủ trì đề xuất danh mục chỉ số, chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác của dữ liệu chuyên ngành; Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ giải pháp kỹ thuật, kết nối, tích hợp dữ liệu; Sở Tài chính phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ. Việc thống nhất danh mục, lộ trình triển khai thực hiện theo Thông báo kết luận số 641/TB-UBND ngày 18/9/2026 của UBND tỉnh.

4. Phát triển nền tảng, ứng dụng và dịch vụ y tế số

- Duy trì, hoàn thiện và khai thác hiệu quả hồ sơ bệnh án điện tử; nâng cấp hệ thống quản lý thông tin khám bệnh, chữa bệnh bảo đảm kết nối HIS, LIS, RIS/PACS, chữ ký số và các hệ thống liên quan theo quy định; thực hiện không sử dụng bệnh án giấy theo lộ trình.

- Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo lộ trình; trong đó: 15/23 bệnh viện, trung tâm y tế đã hoàn thành triển khai, tiếp tục duy trì vận hành, bảo đảm không sử dụng bệnh án giấy từ ngày 01/01/2027; 08/23 bệnh viện, trung tâm y tế đang triển khai, hoàn thành trước ngày 31/12/2026; các trạm y tế xã, phường và phòng khám ngoài công lập rà soát điều kiện triển khai, khắc phục khó khăn về hạ tầng, kinh phí, phần mềm và thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế, phân đầu hoàn thành trước ngày 31/12/2026.

- Duy trì, hoàn thiện hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID; triển khai đơn thuốc điện tử, giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám lại và các giấy tờ điện tử thuộc phạm vi quy định; tăng cường liên thông, tái sử dụng dữ liệu.

- Tích hợp các dịch vụ y tế số (tra cứu hồ sơ sức khỏe điện tử, đăng ký khám trực tuyến...) lên ứng dụng công dân số i-HaTinh và nền tảng LGSP theo lộ trình năm 2027 của Kế hoạch số 591/KH-UBND ngày 25/8/2026 của UBND tỉnh; bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Phát triển dịch vụ y tế số phục vụ người dân, doanh nghiệp; mở rộng đăng ký khám trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, tư vấn, hội chẩn và khám bệnh, chữa bệnh từ xa tại cơ sở đủ điều kiện, có nhu cầu; đánh giá mức độ sử dụng thực tế, tránh đầu tư hình thức.

- Triển khai, khai thác các nền tảng số phục vụ y tế cơ sở, y tế dự phòng và giám sát dịch bệnh; số hóa quy trình báo cáo, cảnh báo sớm và phân tích nguy cơ; kết nối dữ liệu từ tuyến cơ sở đến cơ quan chuyên môn theo quy định.

- Phát triển bệnh viện thông minh, bệnh viện không giấy tờ trên cơ sở số hóa quy trình chuyên môn, quản trị và dữ liệu; triển khai theo lộ trình phù hợp với

quy mô, nhu cầu và khả năng nguồn lực của từng cơ sở.

- Thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ phân tích dữ liệu đối với bài toán có nhu cầu, dữ liệu, tiêu chí đánh giá rõ ràng; kiểm soát chất lượng, an toàn, bảo mật, trách nhiệm của người sử dụng và đánh giá hiệu quả trước khi nhân rộng.

5. Phát triển nguồn nhân lực số, tuyên truyền và hỗ trợ người sử dụng

- Nâng cao nhận thức, kỹ năng số và năng lực ứng dụng công nghệ số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành; đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, quản trị dữ liệu, an toàn thông tin, trí tuệ nhân tạo và khai thác dữ liệu số cho lãnh đạo, quản lý và cán bộ đầu mối.

- Củng cố mạng lưới cán bộ đầu mối về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và quản trị dữ liệu; tăng cường hợp tác với cơ sở đào tạo, doanh nghiệp công nghệ số theo quy định để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về chủ trương, chính sách chuyển đổi số; hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID, đăng ký khám trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các dịch vụ y tế số.

- Lồng ghép triển khai chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số; khai thác, sử dụng các tài liệu, sản phẩm truyền thông số và nền tảng dùng chung của Bộ Y tế, Cục Dân số; tăng cường truyền thông số, truyền thông xã hội phù hợp với từng nhóm đối tượng; nâng cao kỹ năng truyền thông số cho cán bộ làm công tác dân số và lực lượng truyền thông tại cơ sở.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, quản trị dữ liệu, an toàn thông tin và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, chuyên môn.

- Nâng cao năng lực khai thác nền tảng số, dữ liệu số, công cụ phân tích và các dịch vụ số trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, quản lý và điều hành.

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân; xây dựng văn hóa số trong các cơ quan, đơn vị y tế.

- Phát huy vai trò của y tế cơ sở, Tổ công nghệ số cộng đồng và lực lượng liên quan trong hỗ trợ người dân, ưu tiên người cao tuổi, người khuyết tật và nhóm còn hạn chế kỹ năng số; tuyên truyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng tránh lừa đảo, giả mạo trên môi trường số.

6. Kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ trên cơ sở sản phẩm, mốc thời gian và trách nhiệm tại Phụ lục 02; nguồn lực thực hiện được xác định, cập nhật trong kế hoạch hằng năm. Định kỳ đánh giá chất lượng dữ liệu, mức độ sử dụng thực tế, hiệu quả đầu tư và mức độ bảo đảm an toàn thông tin.

- Kết quả đánh giá hằng năm là căn cứ xác định nhiệm vụ ưu tiên, nguồn lực, trách nhiệm và phương án điều chỉnh của năm tiếp theo; kịp thời xử lý hoặc tham mưu xử lý nhiệm vụ chậm tiến độ, trùng lặp, hiệu quả thấp.

- Tổ chức sơ kết giữa kỳ trong năm 2028 và tổng kết giai đoạn năm 2030;

xác định nhiệm vụ chuyên tiếp và định hướng chuyển đổi số ngành Y tế giai đoạn tiếp theo.

(Danh mục nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục 02 kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp; nguồn thu sự nghiệp và nguồn kinh phí hợp pháp của đơn vị y tế; nguồn vốn từ chương trình, đề án, dự án về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn hợp pháp khác. Các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán hằng năm theo nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét theo quy định.

- Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội hóa, tài trợ, viện trợ, hợp tác công tư và nguồn vốn hợp pháp khác để phát triển hạ tầng, nền tảng, dịch vụ y tế số; việc huy động và sử dụng phải tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; phù hợp khả năng cân đối ngân sách và phân cấp. Ưu tiên nhiệm vụ thiết yếu về dữ liệu y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, hạ tầng tại cơ sở, an toàn thông tin và đào tạo nhân lực số.

- Việc đầu tư, mua sắm hoặc thuê dịch vụ công nghệ thông tin, nền tảng số, điện toán đám mây thực hiện theo quy định về ngân sách, đầu tư, đấu thầu, quản lý tài sản công và quy định liên quan; ưu tiên dùng chung, kế thừa, tránh trùng lặp, bảo đảm duy trì vận hành sau đầu tư.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì tổ chức thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số y tế trên địa bàn tỉnh. Sở Y tế chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện các sản phẩm, kết quả trọng tâm tại Mục II.3 và các chỉ tiêu tại Mục II.4 của Kế hoạch.

- Ngay sau khi Kế hoạch này được ban hành, cụ thể hóa các nhiệm vụ phải hoàn thành đến ngày 31/12/2026; từ năm 2027, căn cứ kết quả năm trước và lộ trình tại Phụ lục 02 để xác định nhiệm vụ ưu tiên, mốc tiến độ, sản phẩm, nhu cầu đầu tư và kinh phí của từng năm.

- Chủ trì rà soát, xây dựng, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật, quản trị và khai thác Cơ sở dữ liệu ngành Y tế; bảo đảm kết nối, liên thông với hệ thống dữ liệu của tỉnh, Bộ Y tế và các cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan.

- Chỉ đạo, đôn đốc triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID, nền tảng y tế cơ sở, y tế dự phòng và các hệ thống thông tin chuyên ngành; tổ chức đánh giá mức độ sử dụng thực tế và hiệu quả.

- Đối với các hệ thống, nền tảng chuyên ngành, trung tâm điều hành hoặc ứng dụng mới cần thiết phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và nghiệp vụ đặc thù

của ngành Y tế có yêu cầu đầu tư, Sở Y tế chủ trì rà soát, đánh giá hiện trạng và nhu cầu; kế thừa, sử dụng các nền tảng dùng chung của tỉnh đối với các thành phần phù hợp; xây dựng phương án và hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền theo quy định trước khi triển khai. Các hệ thống chuyên ngành bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung, IOC, LGSP, i-HaTinh theo quy định. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp, hỗ trợ kỹ thuật kết nối dữ liệu y tế vào DataHub/IOC và vận hành nền tảng dùng chung phù hợp kiến trúc số của tỉnh.

- Phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, quản trị dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và bảo đảm an toàn thông tin; củng cố mạng lưới cán bộ đầu mối về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và quản trị dữ liệu.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, UBND xã, phường tổ chức triển khai Đề án Chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số đến năm 2030 theo hướng dẫn của Bộ Y tế; cụ thể hóa nhiệm vụ, chỉ tiêu và kinh phí trong kế hoạch hằng năm, bảo đảm lồng ghép, sử dụng nền tảng dùng chung và không đầu tư trùng lặp.

- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện theo sản phẩm tại Phụ lục 02; hằng năm xác định nhiệm vụ hoàn thành, chậm tiến độ, nguyên nhân, trách nhiệm và kiến nghị xử lý; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo theo thẩm quyền.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hướng dẫn, hỗ trợ Sở Y tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phối hợp đánh giá, lựa chọn các mô hình, giải pháp công nghệ phù hợp trong lĩnh vực y tế.

- Chủ trì, phối hợp phát triển, quản lý, vận hành các nền tảng số dùng chung của tỉnh; hỗ trợ ngành Y tế kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung, IOC và các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh theo lộ trình tại Kế hoạch số 591/KH-UBND ngày 25/8/2026 của UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan chuẩn hóa dữ liệu, thống nhất danh mục chỉ số, tần suất cập nhật phục vụ khai thác trên Dashboard IOC tỉnh theo Thông báo Kết luận số 641/TB-UBND ngày 18/9/2026 của UBND tỉnh; tham gia cho ý kiến về giải pháp kỹ thuật của Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu ngành Y tế.

- Phối hợp rà soát, hỗ trợ về hạ tầng số, an toàn thông tin, giải pháp kỹ thuật, quản trị và chia sẻ dữ liệu trong quá trình triển khai chuyển đổi số ngành Y tế.

3. Công an tỉnh

- Phối hợp với Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các đơn vị liên quan trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số ngành Y tế gắn với Đề án 06 của Chính phủ; chủ trì, phối hợp hỗ trợ kết nối, khai thác và đối soát dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ xác thực thông tin nhân thân, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu người dân trong các hệ thống thông tin y tế; bảo đảm dữ liệu dân cư và dữ liệu y tế được liên thông, đồng bộ, chính xác, hạn chế trùng lặp, sai lệch; triển khai, mở rộng việc tích hợp, khai thác và sử dụng Số sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID, tạo điều kiện để người dân thuận tiện tra

cứu thông tin sức khỏe, lịch sử khám bệnh, chữa bệnh và các tiện ích y tế số theo quy định.

- Hướng dẫn, phối hợp thẩm định, kiểm tra phương án bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin theo cấp độ đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

- Phối hợp phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật trên môi trường số liên quan đến hoạt động y tế; hỗ trợ bảo đảm an ninh trong kết nối, khai thác dữ liệu dân cư và dữ liệu y tế theo quy định.

- Phối hợp với Sở Y tế quản lý hoạt động xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu; bảo đảm an ninh dữ liệu, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực dữ liệu số y tế.

- Phối hợp bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình xây dựng, vận hành, kết nối, khai thác hệ thống; hỗ trợ xác thực dữ liệu dân cư phục vụ khám bệnh, chữa bệnh, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử và nhiệm vụ chuyển đổi số y tế.

4. Sở Tài chính

- Tham mưu phương án kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch phù hợp với các quy định của pháp luật, đảm bảo theo phân cấp và khả năng cân đối ngân sách của địa phương (trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế và các đơn vị liên quan).

- Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm, trong đó ưu tiên thu hút một số dự án đầu tư liên quan đến lĩnh vực chuyển đổi số trong ngành y tế, đảm bảo đúng mục tiêu, định hướng thu hút đầu tư và phát triển Cơ sở dữ liệu của ngành y tế đáp ứng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

5. Bảo hiểm xã hội tỉnh

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh kết nối, chia sẻ, chuẩn hóa và liên thông dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; bảo đảm dữ liệu được truyền nhận đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ giám định, thanh toán theo quy định.

- Phối hợp kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ cập nhật hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID; hỗ trợ đối soát, xác thực và làm sạch dữ liệu liên quan theo quy định.

- Định kỳ phối hợp rà soát tình hình kết nối, liên thông dữ liệu, kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

6. Các sở, ban, ngành liên quan

- Lồng ghép nội dung liên quan của Kế hoạch vào chương trình, đề án, dự án thuộc phạm vi quản lý; phối hợp xử lý khó khăn về dữ liệu, kết nối hạ tầng và nguồn lực.

- Phối hợp chia sẻ, kết nối dữ liệu chuyên ngành có liên quan với cơ sở dữ liệu ngành y tế của tỉnh khi có yêu cầu, đúng quy định và thẩm quyền.

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Y tế triển khai, kiểm tra và đánh giá các nhiệm vụ chuyển đổi số ngành Y tế.

7. UBND các xã, phường

- Lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số y tế vào kế hoạch chuyển đổi số hằng năm của địa phương; xác định rõ nhiệm vụ, tiến độ, nguồn lực và trách nhiệm của bộ phận, đơn vị liên quan.

- Chỉ đạo, quản lý và tạo điều kiện để Trạm Y tế xã, phường triển khai hiệu quả nhiệm vụ chuyển đổi số, gắn với chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh, quản lý sức khỏe người dân và cải cách hành chính trong lĩnh vực y tế.

- Rà soát nhu cầu, căn cứ phân cấp và khả năng cân đối để bố trí hoặc huy động nguồn lực hợp pháp duy trì, nâng cấp thiết bị, đường truyền, chữ ký số và điều kiện thiết yếu tại Trạm Y tế; tổng hợp nhu cầu vượt khả năng cân đối, gửi Sở Tài chính và cơ quan liên quan xem xét theo quy định.

- Chỉ đạo bộ phận chuyên môn, Công an cấp xã, Trạm Y tế và lực lượng liên quan phối hợp rà soát, chuẩn hóa, xác thực dữ liệu dân cư, dữ liệu sức khỏe; cập nhật hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử và dữ liệu trên các nền tảng chuyên ngành theo hướng dẫn.

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID và dịch vụ y tế số; phát huy Tổ công nghệ số cộng đồng và lực lượng tại cơ sở; ưu tiên hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật và người còn hạn chế kỹ năng số.

- Chủ tịch UBND xã, phường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý; định kỳ đánh giá kết quả tại Trạm Y tế, kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc về Sở Y tế để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

8. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế và các cơ sở y tế công lập

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số hằng năm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và lộ trình chung; xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu, đầu mối, sản phẩm và nguồn lực; chịu trách nhiệm về chất lượng dữ liệu do đơn vị tạo lập, cập nhật, khai thác và chia sẻ.

- Tổ chức triển khai, duy trì hệ thống thông tin, hồ sơ bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử và các nền tảng chuyên ngành theo phạm vi nhiệm vụ; bảo đảm an toàn thông tin, sao lưu, dự phòng và đào tạo người sử dụng.

- Việc đề xuất đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ phải trên cơ sở rà soát hiện trạng, khả năng dùng chung/tích hợp và hiệu quả; thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định; không tự hình thành hệ thống độc lập gây trùng lặp dữ liệu, nền tảng.

9. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài công lập và cơ sở y tế khác trên địa bàn

- Thực hiện các yêu cầu về hồ sơ bệnh án điện tử, kết nối, liên thông dữ liệu, đơn thuốc điện tử, giấy tờ điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các nhiệm vụ chuyển đổi số bắt buộc theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, an toàn và bảo mật dữ liệu do cơ sở tạo lập, cập nhật, khai thác và chia sẻ; phối hợp với Sở Y tế và cơ quan liên

quan trọng kiểm tra, đánh giá tình hình kết nối, liên thông dữ liệu.

- Khuyến khích triển khai các dịch vụ y tế số, tư vấn, hội chẩn, khám bệnh, chữa bệnh từ xa và ứng dụng công nghệ mới phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế, bảo đảm tuân thủ quy định.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường, cơ sở y tế và đơn vị liên quan báo cáo kết quả thực hiện định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu về Sở Y tế; nội dung báo cáo tập trung vào sản phẩm, mức độ hoàn thành theo mốc tiến độ, khó khăn, nguyên nhân và đề xuất xử lý.

- Sở Y tế chủ trì xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc hướng dẫn áp dụng biểu mẫu và bộ chỉ số đánh giá thống nhất trên cơ sở Phụ lục 02; ưu tiên khai thác dữ liệu sẵn có từ các hệ thống, hạn chế yêu cầu báo cáo trùng lặp; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch. Trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh nội dung vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT&XT, HTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX₁.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Thị Nguyệt

Phụ lục 01

CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Luật Chuyển đổi số ngày 11/12/2025;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;
- Nghị định số 102/2025/NĐ-CP ngày 13/5/2025 của Chính phủ quy định quản lý dữ liệu y tế;
- Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;
- Quyết định số 2038/QĐ-BYT ngày 23/6/2025 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 102/2025/NĐ-CP ngày 13/5/2025 của Chính phủ quy định quản lý dữ liệu y tế của Bộ Y tế;
- Quyết định số 3516/QĐ-BYT ngày 12/11/2025 của Bộ Y tế về ban hành Chiến lược chuyển đổi số của Bộ Y tế giai đoạn 2025 - 2030;
- Quyết định số 586/QĐ-BYT ngày 09/3/2026 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc năm 2026;
- Quyết định 1551/QĐ-BYT ngày 31/5/2026 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn thu thập, cập nhật, kết nối liên thông dữ liệu khám sức khỏe và tạo lập, cập nhật Sổ Sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID;
- Quyết định số 965/QĐ-BYT ngày 10/4/2026 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc giai đoạn 2026-2030;
- Quyết định số 1131/QĐ-BYT ngày 22/4/2026 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Y tế giai đoạn 2026-2030;
- Quyết định số 2146/QĐ-BYT ngày 15/7/2026 của Bộ Y tế ban hành Khung kiến trúc số Bộ Y tế;
- Quyết định số 3028/QĐ-BYT ngày 29/9/2026 của Bộ Y tế phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số đến năm 2030;
- Căn cứ Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 10/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Kế hoạch số 721/KH-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 14/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 – 2030;
- Kế hoạch số 553/KH-UBND ngày 10/8/2026 của UBND tỉnh về triển khai chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành

y tế trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Kế hoạch số 591/KH-UBND ngày 25/8/2026 của UBND tỉnh về Triển khai các nền tảng số, cơ sở dữ liệu các ngành phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đồng bộ với hệ thống IOC và phát triển ứng dụng công dân số i-HaTinh.

Phụ lục 02

DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

STT	Nội dung nhiệm vụ trọng tâm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm/KPI	Thời gian thực hiện
I. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH					
1	Ban hành kế hoạch chuyển đổi số ngành Y tế hằng năm, xác định nhiệm vụ ưu tiên, sản phẩm/KPI, tiến độ và kinh phí.	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch hằng năm; danh mục nhiệm vụ, sản phẩm/KPI, mốc tiến độ và nguồn lực thực hiện được xác định.	Hằng năm
2	Hoàn thiện quy chế quản trị, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu; mô hình, đầu mối quản trị dữ liệu.	Sở Y tế	Sở KH&CN; Công an tỉnh; các cơ sở y tế và đơn vị liên quan	Quy chế được ban hành hoặc tham mưu ban hành; đầu mối, trách nhiệm quản trị dữ liệu được xác định.	- Quý IV/2026 rà soát, ban hành dự thảo xin ý kiến góp ý của các đơn vị có liên quan; - Quý I/2027 hoàn thiện/ban hành; - Từ năm 2028-2030 điều chỉnh khi có sự thay đổi.
3	Xây dựng, ban hành/hướng dẫn bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số ngành Y tế, phương pháp tính, nguồn dữ liệu và tiêu chí chất lượng dữ liệu.	Sở Y tế	Sở KH&CN; các cơ sở y tế; UBND xã, phường	Bộ chỉ số/KPI và hướng dẫn đánh giá; tiêu chí chất lượng dữ liệu.	Năm 2027
II. HẠ TẦNG SỐ, AN TOÀN THÔNG TIN VÀ BẢO VỆ DỮ LIỆU					
4	Rà soát toàn diện hạ tầng số, thiết bị, mạng nội bộ, đường truyền, chữ ký số, lưu trữ, sao lưu, dự phòng tại các đơn vị, cơ sở y tế; xác định điểm nghẽn, nhu cầu, thứ tự ưu tiên.	Sở Y tế (đối với đơn vị thuộc Sở); UBND xã, phường (đối với Trạm Y tế)	Sở KH&CN; Sở Tài chính; các cơ sở y tế.	Báo cáo hiện trạng; danh mục điểm nghẽn, nhu cầu và thứ tự ưu tiên đầu tư/nâng cấp/thuê dịch vụ.	Quý IV/2026
5	Đầu tư, nâng cấp hoặc thuê dịch vụ hạ tầng số theo danh mục ưu tiên; ưu tiên hồ sơ bệnh án điện tử, y tế cơ sở, dữ liệu dùng chung; sử dụng hạ tầng/nền tảng dùng chung khi đáp ứng yêu cầu.	Cơ quan, đơn vị được giao chủ đầu tư/chủ trì nhiệm vụ; UBND xã, phường (đối với hạ tầng Trạm Y tế theo phân cấp	Sở KH&CN; Sở Tài chính; Sở Y tế và các đơn vị liên quan	Hạ tầng thiết yếu được khắc phục/nâng cấp; bảo đảm vận hành hệ thống và khả năng sao lưu, dự phòng.	- Quý IV/2026 - 2027: ưu tiên bảo đảm hạ tầng thiết yếu tại trạm y tế xã, phường và đơn vị chưa đáp ứng (máy tính, đường truyền, chữ ký số) phục vụ bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử; - Năm 2028 - 2030: đầu tư, nâng cấp theo danh mục ưu tiên, dự án, nhiệm vụ được duyệt.

STT	Nội dung nhiệm vụ trọng tâm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm/KPI	Thời gian thực hiện
6	Rà soát, xác định/phê duyệt cấp độ; triển khai phương án bảo vệ, giám sát, sao lưu, phục hồi; ứng cứu sự cố và bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu sức khỏe.	Cơ quan, đơn vị chủ quản hệ thống; Sở Y tế đơn đốc, hướng dẫn đối với hệ thống thuộc phạm vi ngành.	Công an tỉnh; Sở KH&CN; các đơn vị liên quan	Hồ sơ cấp độ; phương án bảo vệ; hệ thống được giám sát, sao lưu; sự cố được phát hiện, xử lý kịp thời.	Hàng năm
7	Rà soát, triển khai chuyển đổi IPv6 trong ngành Y tế; thực hiện IPv6 đối với các hệ thống thông tin, hạ tầng mạng và đơn vị đủ điều kiện, bảo đảm phù hợp với kiến trúc, hạ tầng số của tỉnh;	Sở Y tế; các đơn vị trực thuộc.	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị liên quan	Các hệ thống, hạ tầng mạng đủ điều kiện được triển khai IPv6; báo cáo kết quả triển khai, tỷ lệ IPv6 hàng năm	- Năm 2026-2027: tỷ lệ triển khai IPv6 đạt tối thiểu 70%. - Năm 2028-2030: tỷ lệ đạt 90%
III. DỮ LIỆU SỐ, KẾT NỐI VÀ KHAI THÁC DỮ LIỆU					
8	Hoàn thiện danh mục, bộ dữ liệu, tiêu chuẩn và tiêu chí chất lượng dữ liệu ngành Y tế; chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật, đối soát dữ liệu chuyên ngành theo kế hoạch/chiến dịch được cấp có thẩm quyền ban hành.	Sở Y tế	Sở KH&CN; Công an tỉnh; UBND xã, phường; các cơ sở y tế	Danh mục/bộ dữ liệu; dữ liệu ưu tiên được chuẩn hóa, làm sạch; báo cáo chất lượng dữ liệu và xử lý sai lệch.	- Năm 2026: 12 cơ sở dữ liệu theo Kế hoạch số 553/KH-UBND; - Năm 2027: hoàn thiện các nhóm cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh; - Từ năm 2028 - 2029: Bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành, - Năm 2030: duy trì
9	Triển khai Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu ngành Y tế tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở kế thừa dữ liệu, hệ thống hiện có, đảm bảo cơ sở dữ liệu tập trung, vận hành, khai thác đồng bộ	Sở Y tế	Sở KH&CN; Sở Tài chính; các cơ sở y tế; đơn vị liên quan	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án thuê dịch vụ; Hệ thống được đưa vào vận hành; kho dữ liệu tập trung tích hợp các cơ sở dữ liệu đã kết nối; dữ liệu góc phục vụ Dashboard Lớp 3; báo cáo đánh giá, nghiệm thu.	- Quý IV/2026: hoàn thành Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, trình phê duyệt; - Năm 2027: phê duyệt dự án, lựa chọn nhà cung cấp, triển khai vận hành giai đoạn 1, tích hợp các cơ sở dữ liệu đã kết nối theo KH 591/KH-UBND, kiểm tra nghiệm thu; - Năm 2028: vận hành đầy đủ, tích hợp các cơ sở dữ liệu còn lại, cung cấp dữ liệu cho chỉ số Lớp 3; - Năm 2029 - 2030: đánh giá hiệu quả, nghiệm thu kết thúc thời gian thuê, xác định phương án duy trì.

STT	Nội dung nhiệm vụ trọng tâm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm/KPI	Thời gian thực hiện
10	Kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu ngành Y tế với Kho dữ liệu dùng chung, IOC của tỉnh, i-HaTỉnh hệ thống Bộ Y tế, BHXH, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống có liên quan theo quy định.	Sở Y tế	Sở KH&CN; Công an tỉnh; BHXH tỉnh; các sở, ngành, đơn vị liên quan	Các kết nối được thiết lập, duy trì; dữ liệu được chia sẻ, tái sử dụng; giảm nhập liệu, báo cáo trùng lặp.	- Năm 2026-2027: Theo lộ trình tại Kế hoạch 591/KH-UBND; - Năm 2028-2030: theo lộ trình của tỉnh và quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành.
11	Xây dựng, phát triển công cụ điều hành, tổng hợp, phân tích và trực quan hóa dữ liệu y tế, dashboard, báo cáo điện tử; từng bước ứng dụng phân tích, dự báo.	Sở Y tế	Sở KH&CN; các cơ sở y tế; các đơn vị liên quan	Bộ chỉ số, dashboard/báo cáo điện tử; công cụ hỗ trợ giám sát, cảnh báo và ra quyết định; danh mục chỉ số được lựa chọn theo tiêu chí, điều kiện chuyển lớp tại Mục III.3 và được Sở KH&CN, Sở Tài chính thống nhất theo TB 641/TB-UBND.	- Năm 2026 xác định bộ chỉ số/nguồn dữ liệu; - Năm 2027: theo lộ trình của Kế hoạch số 591/KH-UBND; - Năm 2028 triển khai theo lộ trình của tỉnh, của Bộ Y tế; - Từ năm 2029-2030 mở rộng phân tích, dự báo.
IV. NỀN TẢNG, ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ Y TẾ SỐ					
12	Duy trì, hoàn thiện hồ sơ bệnh án điện tử	Sở Y tế; cơ sở KCB chịu trách nhiệm triển khai tại đơn vị	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoàn thành triển khai hồ sơ bệnh án điện tử; các bệnh viện/TTYT thực hiện không sử dụng hồ sơ bệnh án giấy từ ngày 01/01/2027 theo quy định.	- Năm 2026: hoàn thành triển khai hồ sơ bệnh án điện tử trước ngày 31/12/2026; - Từ 01/01/2027 các bệnh viện/TTYT không sử dụng hồ sơ bệnh án giấy; - Từ năm 2027-2030 duy trì, khai thác và nâng cao chất lượng theo lộ trình của Bộ Y tế; Sở Y tế kiểm tra tiến độ hằng tháng đối với đơn vị chưa hoàn thành (theo Mục III.4).
13	Duy trì, hoàn thiện hồ sơ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử trên VNelD; triển khai hiệu quả đơn thuốc điện tử.	Sở Y tế	Công an tỉnh; BHXH tỉnh; UBND xã, phường; các cơ sở y tế	Hồ sơ/Sổ sức khỏe được cập nhật, khai thác; đơn thuốc được liên thông lên Hệ thống đơn thuốc điện tử quốc gia.	Duy trì hằng năm, theo lộ trình của Bộ Y tế
14	Mở rộng mô hình Đăng ký khám trực tuyến	Sở Y tế; các cơ sở KCB	đơn vị cung cấp dịch vụ và đơn vị liên quan	100% cơ sở khám chữa bệnh có giường bệnh đăng ký khám trực tuyến.	Năm 2028

STT	Nội dung nhiệm vụ trọng tâm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm/KPI	Thời gian thực hiện
15	Thanh toán không dùng tiền mặt	Sở Y tế; các cơ sở KCB	Ngân hàng/đơn vị cung cấp dịch vụ và đơn vị liên quan	100% cơ sở khám chữa bệnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt.	- Năm 2026: các bệnh viện, trung tâm y tế; - Năm 2027: các cơ sở y tế còn lại.
16	Tư vấn, hội chẩn, khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Sở Y tế; các cơ sở KCB	Đơn vị cung cấp dịch vụ; các cơ sở khám chữa bệnh các tuyến	Số cơ sở triển khai; số lượt tư vấn, hội chẩn, khám bệnh, chữa bệnh từ xa tăng hằng năm.	Hàng năm
17	Thí điểm ứng dụng AI trong hỗ trợ quản lý, phân tích dữ liệu, chẩn đoán và quản trị bệnh viện; phát triển bệnh viện thông minh tại đơn vị đủ điều kiện; đánh giá hiệu quả trước khi nhân rộng.	Sở Y tế; đơn vị được lựa chọn thí điểm	Sở KH&CN; các cơ sở y tế; đơn vị liên quan	Danh mục bài toán/mô hình thí điểm; báo cáo đánh giá an toàn, hiệu quả; mô hình hiệu quả được đề xuất nhân rộng.	- Năm 2027: rà soát, lựa chọn bài toán; - Từ 2028-2029: thí điểm triển khai; - 2030 đánh giá/nhân rộng phù hợp
V. NHÂN LỰC SỐ, TRUYỀN THÔNG, KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ					
18	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, quản trị dữ liệu, an toàn thông tin, AI; củng cố mạng lưới đầu mối công nghệ thông tin/chuyên đổi số tại các cơ quan, đơn vị.	Sở Y tế	Sở KH&CN; Công an tỉnh; cơ sở đào tạo; các cơ sở y tế	100% cán bộ, CCVC được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản; mạng lưới đầu mối được duy trì; chương trình đào tạo chuyên sâu được tổ chức.	Hàng năm
19	Tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng Số sức khỏe điện tử trên VNeID và dịch vụ y tế số; hỗ trợ nhóm yếu thế, người hạn chế kỹ năng số; tuyên truyền bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đồng thời lồng ghép triển khai truyền thông số về dân số theo hướng dẫn của Bộ Y tế, ưu tiên khai thác tài liệu, sản phẩm truyền thông số và nền tảng dùng chung.	Sở Y tế; UBND xã, phường	Công an tỉnh; các cơ sở y tế; Tổ công nghệ số cộng đồng; đơn vị liên quan	Chương trình/tài liệu truyền thông; số lượt hỗ trợ; mức độ sử dụng dịch vụ y tế số được cải thiện. Nội dung truyền thông số về dân số được lồng ghép; cán bộ làm công tác dân số và lực lượng truyền thông tại cơ sở được tập huấn theo kế hoạch chuyên ngành.	Hàng năm
20	Tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện Kế hoạch/báo cáo theo sản phẩm, mốc thời gian tại Phụ lục 02; định kỳ/đợt xuất đánh giá chất lượng dữ liệu, mức độ sử dụng thực tế, hiệu quả đầu tư và mức độ bảo đảm an toàn thông tin; tổ chức sơ kết giữa kỳ và tổng kết giai đoạn	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan.	Báo cáo kiểm tra, giám sát tiến độ định kỳ; Báo cáo đánh giá chất lượng dữ liệu, hiệu quả đầu tư và an toàn thông tin; Báo cáo sơ kết giữa kỳ; Báo cáo tổng kết giai đoạn	- Hàng năm (theo dõi, kiểm tra, đánh giá); - Năm 2028: Báo cáo sơ kết thực hiện. - Năm 2030: Báo cáo tổng kết giai đoạn 2026-2030.

Phụ lục 03
LỘ TRÌNH SẢN PHẨM, KẾT QUẢ TRỌNG TÂM DỰ KIẾN THỰC HIỆN THEO NĂM

Ghi chú: (NVx) là số thứ tự nhiệm vụ tại Phụ lục 02 Kế hoạch này; (KH 591) là mốc tại Phụ lục 02 Kế hoạch số 591/KH-UBND.

Sản phẩm	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1. Cơ sở dữ liệu ngành Y tế (bao gồm dữ liệu từ trạm y tế xã, phường)	- Làm sạch 12 cơ sở dữ liệu theo Kế hoạch số 553/KH-UBND (NV8); - Kết nối cơ sở dữ liệu hồ sơ sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh (08/10) và thông kê y tế (31/12) về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh theo KH 591/KH-UBND; - Hoàn thành Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư thuế Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu ngành (NV9); - Rà soát, khắc phục hạ tầng thiết yếu tại trạm y tế (NV4, NV5); - Phấn đấu 100% trạm y tế triển khai hồ sơ bệnh án điện tử (Mục II.4.2).	- Hoàn thiện nhóm cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh (NV8); - Kết nối các cơ sở dữ liệu còn lại (31/3, 30/6, 31/12) về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh theo KH 591/KH-UBND; - Vận hành giai đoạn 1 Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu ngành (NV9); - Đảm bảo 100% trạm y tế sử dụng nền tảng số, cập nhật dữ liệu về cơ sở dữ liệu ngành (Mục II.4.2).	- Bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành (NV8); - Vận hành đầy đủ Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu ngành, cung cấp dữ liệu cho chỉ số Lớp 3 (NV9); - Nâng cấp hạ tầng trạm y tế theo danh mục ưu tiên (NV5).	- Đánh giá, nghiệm thu kết thúc thời gian thuê Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu ngành (NV9); - Triển khai giải pháp quản lý sức khỏe chủ động tại trạm y tế.	- Duy trì, nâng cao chất lượng dữ liệu (NV8, NV9); - Đảm bảo 100% trạm y tế có giải pháp số chăm sóc sức khỏe chủ động.
2. Bộ chỉ số trên Dashboard IOC	Xác định bộ chỉ số, nguồn dữ liệu; cập nhật chỉ số Lớp 1 (NV11; Theo Thông báo kết luận 641/TB-UBND); lựa chọn chỉ số theo tiêu chí tại Mục III.3	Triển khai chỉ số Lớp 2 theo xã, phường và theo cơ sở KCB (NV11) khi đáp ứng điều kiện chuyển lớp	Tổng hợp tự động từ dữ liệu gốc - Lớp 3 (NV11)	Mở rộng phân tích, dự báo (NV11)	Phân tích, dự báo, cảnh báo sớm (NV11)
3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện hồ sơ bệnh án điện tử, không sử dụng bệnh án giấy	100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoàn thành hồ sơ bệnh án điện tử trước 31/12/2026 (NV12)	Bệnh viện, trung tâm y tế không sử dụng bệnh án giấy từ 01/01/2027 (NV12); rà soát, lựa chọn bài toán AI (NV17)	Thí điểm AI, bệnh viện thông minh (NV17)	Thí điểm AI, bệnh viện thông minh (NV17)	Đánh giá, nhân rộng (NV17); 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không sử dụng bệnh án giấy theo quy định

Sản phẩm	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
4. Dịch vụ y tế số cho người dân	100% bệnh viện, trung tâm y tế thanh toán không dùng tiền mặt (NV15); xác lập số liệu gốc về mức độ sử dụng dịch vụ y tế số (Mục II.4.2)	Trên 95% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đảm bảo chất lượng; 100% cơ sở y tế còn lại thanh toán không dùng tiền mặt (NV15); tích hợp dịch vụ y tế trên i-HaTinh (KH 591)	100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giường trực tuyến (NV14); Tư vấn, hội chẩn từ xa (NV16)	Tư vấn, hội chẩn từ xa (NV16)	≥80% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tư vấn, hội chẩn từ xa
Điều kiện bảo đảm	Dự thảo quy chế quản trị dữ liệu (NV2); rà soát hạ tầng (NV4)	Ban hành quy chế (NV2); 100% CBCCVN bồi dưỡng kỹ năng số (NV18); IPv6 ≥70% (NV7)	Sơ kết giữa kỳ (NV20)	Đầu tư, thuê dịch vụ hạ tầng (NV5)	IPv6 ≥90% (NV7); tổng kết giai đoạn (NV20)